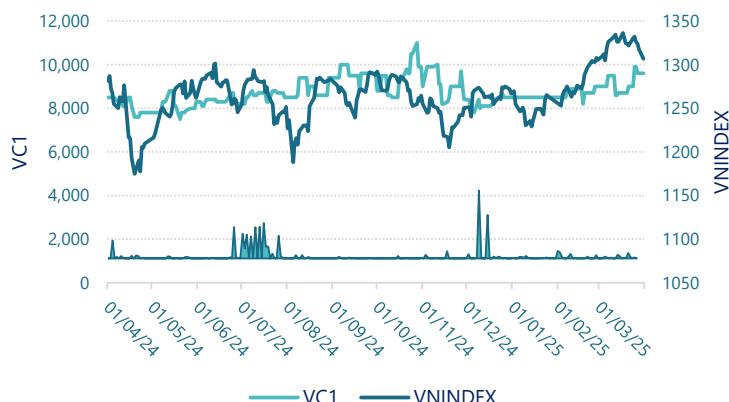


CTCP Xây dựng số 1 (HNX: VC1)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,500
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,540
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	115
P/E	33.4
EPS	287

DT thuần

Q1/25

89.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼155 | -63.5%

YoY: ▲ 15.4 | 20.9%

LN sau thuế

Q1/25

0.63

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.46 | 268%

YoY: ▼0.04 | -6.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.2%

+/- YoY: ▼ 3.2%

DT thuần

2024

508

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 285 | 128%

LN sau thuế

2024

3.59

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.97 | 36.9%

ROE

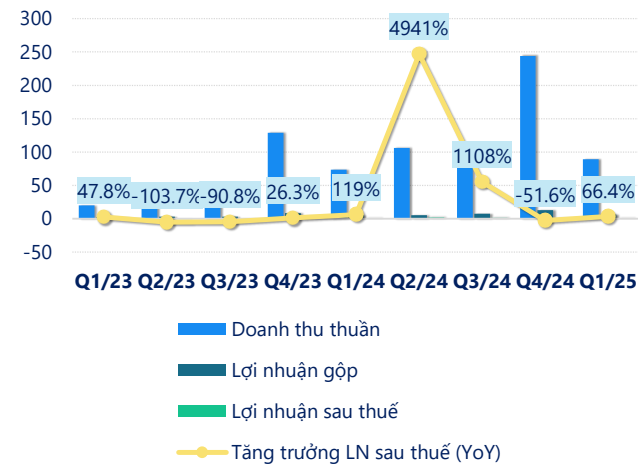
2024

1.4%

+/- YoY: ▲ 0.4%

tỷ VNĐ

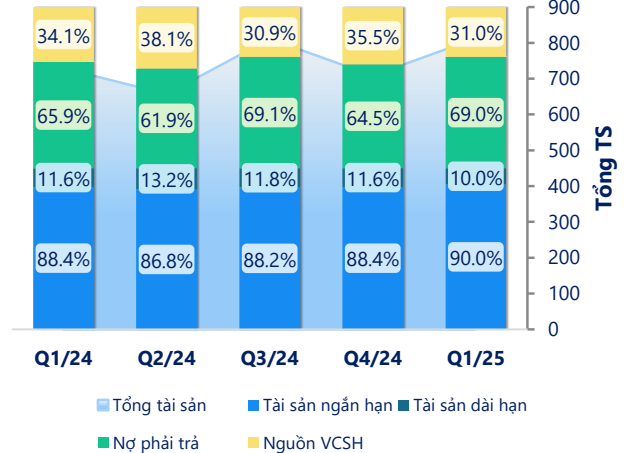
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

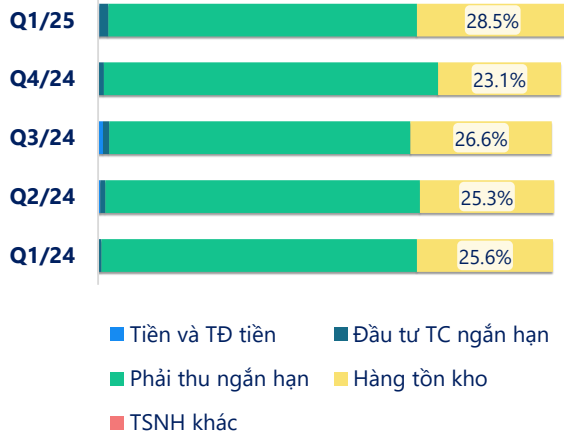
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



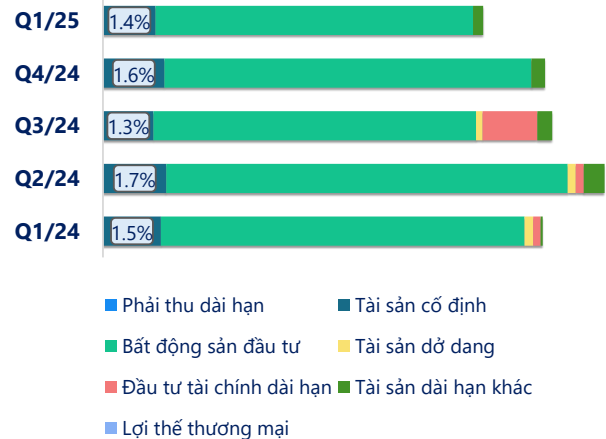
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

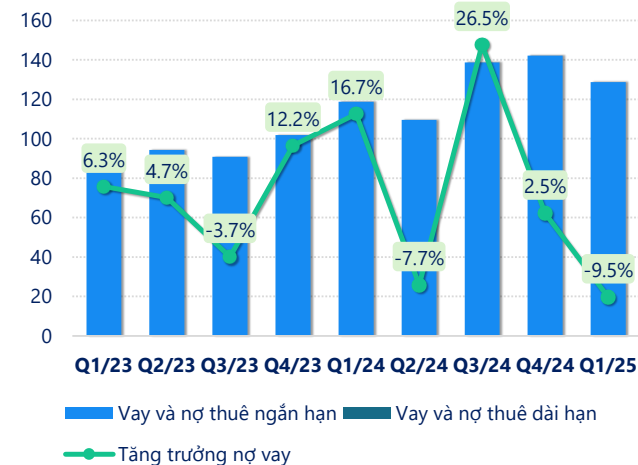
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

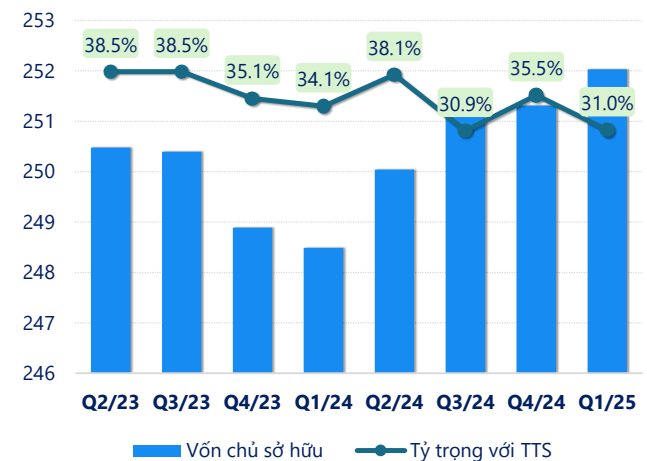
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

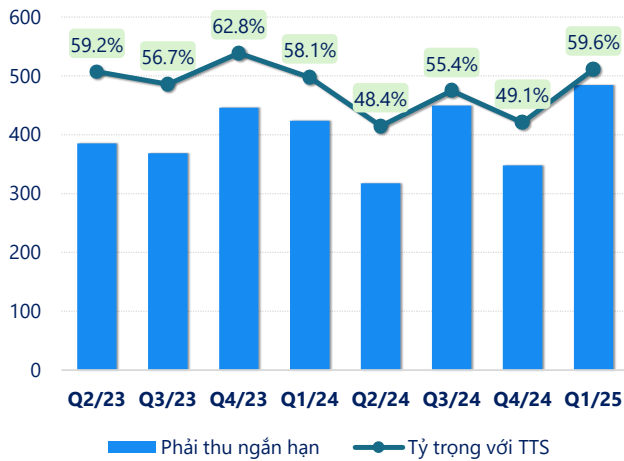
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



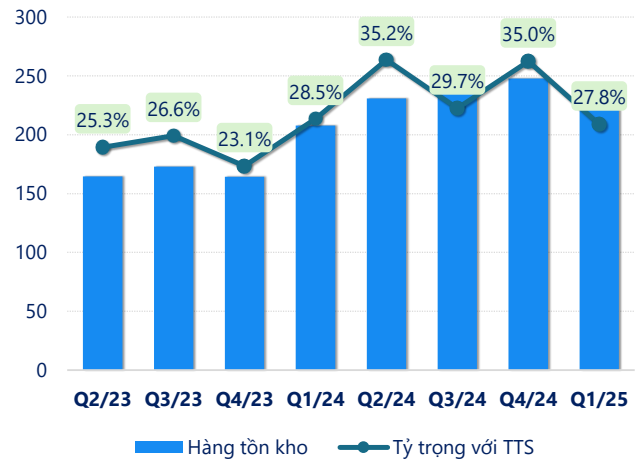
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


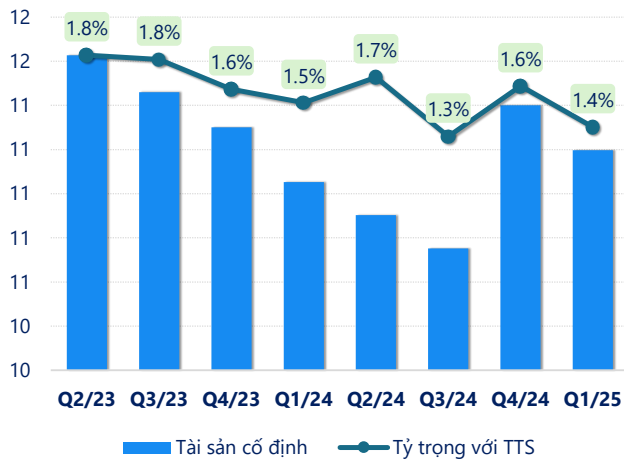
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


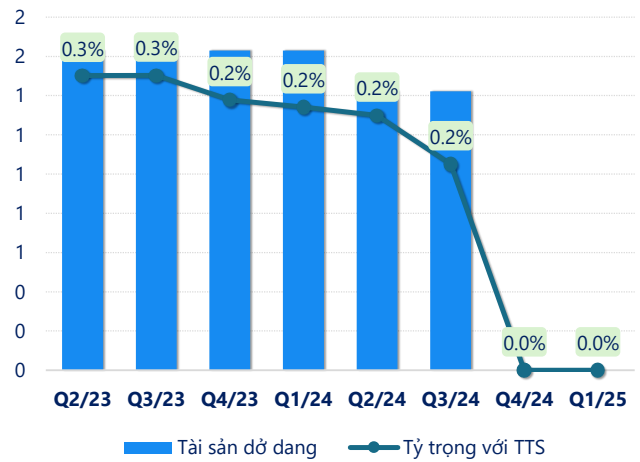
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

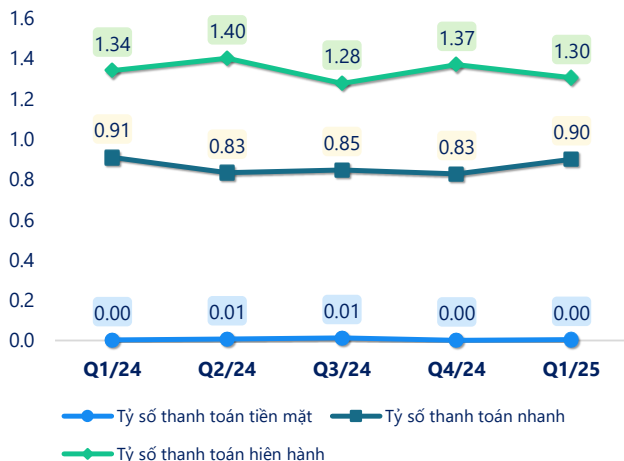
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

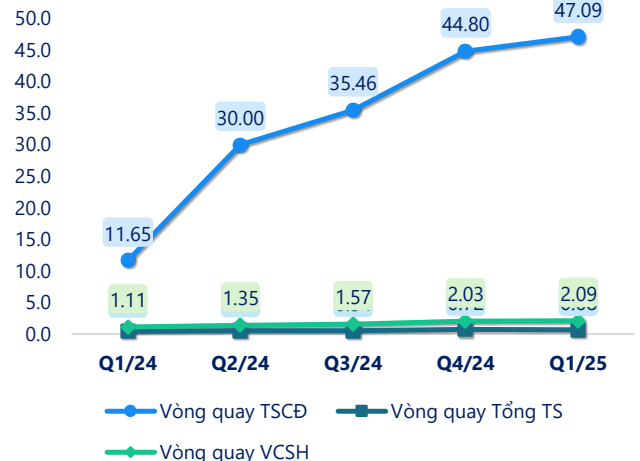
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	730	657	812	708	813
Tài sản ngắn hạn	645	570	716	626	731
Tiền và tương đương tiền	1.15	2.76	7.29	0.43	2.20
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.1	16.8	18.2	29.9	18.2
Phải thu ngắn hạn	424	318	449	348	485
Hàng tồn kho	208	231	241	248	226
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	1.84	0.07	0	0
Tài sản dài hạn	84.4	86.7	96.0	82.4	81.4
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Tài sản cố định	11.1	10.9	10.8	11.4	11.2
Bất động sản đầu tư	69.9	69.4	68.9	68.4	67.9
Tài sản dở dang	1.63	1.42	1.42	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.46	1.35	11.7	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.37	3.61	3.17	2.55	2.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	481	407	561	457	561
Nợ ngắn hạn	481	407	560	457	560
Vay và nợ thuê ngắn hạn	119	110	139	142	129
Phải trả người bán ngắn hạn	105	131	138	176	149
Nợ dài hạn	0.24	0.24	0.22	0.16	0.16
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	248	250	251	251	252
Vốn chủ sở hữu	248	250	251	251	252
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)